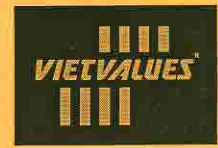


*Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES[®])
Công ty Thành viên của Reanda International
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.
Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phó Quang, phường 9, Phú Nhuận.
Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90
Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com*



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN



*Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
(VIETVALUES[®])
Công ty Thành viên của Reanda International*

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo Hội đồng quản trị	02 - 06
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	07 - 08
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016	09 - 10
4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016	11
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016	12
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016	13 - 39



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 đã được kiểm toán của Công ty.

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân (tên giao dịch là: PHU HOA TAN WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: PHUWACO JSC) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 6653/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304796249 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16 tháng 01 năm 2007 và đã điều chỉnh lần thứ 3 vào ngày 09 tháng 08 năm 2013.

Hiện công ty đang đăng ký giao dịch Cổ phiếu trên sàn UPCOM.

Mã chứng khoán : PJS.

Vốn điều lệ : 90.000.000.000 đồng.

Cơ cấu vốn	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Vốn cổ phần thuộc Nhà Nước	63.352.000.000	70,39
Vốn cổ phần của các cổ đông khác	26.648.000.000	29,61
Cộng	90.000.000.000	100,00

Theo Quyết định số 607/QĐ-SGDHN ngày 10 tháng 11 năm 2011 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho Công ty được đăng ký giao dịch Cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với nội dung như sau :

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: PJS
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 9.000.000 cổ phiếu.
- Giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch: 90.000.000.000 đồng.

Theo thông báo số 2584/TB-CNVSD ngày 01 tháng 12 năm 2011 của Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (CNVSD), VSD sẽ thực hiện chốt số dư đối với chứng khoán PJS đang lưu ký tại VSD để đăng ký từ HOSE sang UPCOM vào ngày 02 tháng 12 năm 2011. Kể từ 05 tháng 12 năm 2011 các hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán đối với chứng khoán PJS sẽ được VSD thực hiện trên sàn UPCOM.

2. Trụ sở hoạt động

▪ **Trụ sở chính**

Địa chỉ : 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : +84 (8) – 3855 8410

Fax : +84 (8) – 3955 5282

Mã số thuế : 0 3 0 4 7 9 6 2 4 9

281,
NG
HIEM
IN VÀ
AN
P. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

3. Ngành nghề kinh doanh

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước trong nhà (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Cung ứng kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng – sản xuất (trên địa bàn được phân công theo Quyết định của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn);
- Tư vấn xây dựng công trình cấp nước - dân dụng – công nghiệp (trừ: khảo sát xây dựng);
- Xây dựng công trình cấp thoát nước;
- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước;
- Lập dự án. Thẩm tra thiết kế. Thiết kế xây dựng công trình cấp thoát nước. Giám sát xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thiết kế công trình cấp nước theo tuyến;
- Tái lập mặt đường đối với công trình chuyên ngành cấp nước. Tái lập mặt đường, vỉa hè;
- Mua bán nước tinh khiết. Mua bán vật tư, máy móc ngành nước;
- Sản xuất nước tinh khiết;
- Xử lý nền móng công trình;
- Duy tu sửa chữa công trình giao thông (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản.

4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

4.1 Hội đồng Quản trị

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Bà Vũ Phương Thảo	Chủ tịch	13/04/2015	25/04/2016
Ông Lý Kim Ngân	Chủ tịch	25/04/2016	
Ông Tô Trung Dũng	Thành viên	13/04/2015	25/04/2016
Bà Vũ Phương Thảo	Thành viên	25/04/2016	
Ông Phạm Khương Thảo	Thành viên	10/04/2012	
Ông Lê Hữu Quang	Thành viên	10/04/2012	
Bà Trương Nguyễn Thiên Kim	Thành viên	18/04/2012	25/04/2016
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	25/04/2016	
Bà Dương Hồng Phương	Thành viên	10/04/2012	

4.2 Ban Kiểm soát

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Đặng Đức Hiền	Trưởng ban	10/04/2012	
Bà Dương Thúy An	Thành viên	18/04/2014	
Ông Trần Ngọc Phong	Thành viên	17/03/2013	
Ông Đỗ Công Hoàn	Thành viên	10/04/2012	

4.3 Ban Giám đốc

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Phạm Khương Thảo	Giám đốc	10/04/2012	
Ông Cao Hoàng Tuấn	Phó Giám đốc kỹ thuật	30/10/2015	
Ông Lê Trung Thành	Phó Giám đốc kinh doanh	18/04/2013	
Bà Dương Thị Mỹ Quý	Kế toán trưởng	10/04/2012	

5. Đại diện pháp luật

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Phạm Khương Thảo	Giám đốc	10/04/2012	

AN
VĂN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 09 đến trang 39.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính của công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2016.

TM. Hội đồng Quản trị



LÝ KIM NGÂN

Chủ tịch



Số: 2406/16/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29 tháng 07 năm 2016, từ trang 09 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2016.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Ths. Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKH số: 1512-2013-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

TR
KIẾ
N

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		71.312.883.523	69.966.518.411
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5.1	37.499.419.735	40.684.206.200
111	1. Tiền		27.499.419.735	12.442.858.680
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.000.000.000	28.241.347.520
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		12.311.899.047	7.254.900.181
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	12.311.899.047	7.254.900.181
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		11.763.868.403	10.226.728.993
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.3	2.839.705.871	1.415.126.073
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.4	7.509.333.025	7.197.080.275
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	5.5	1.672.937.467	1.872.602.668
137	4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	5.6	(258.130.019)	(258.130.019)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		22.059	49.996
140	IV. Hàng tồn kho		6.024.707.994	6.264.934.228
141	1. Hàng tồn kho	5.7	6.024.707.994	6.264.934.228
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.712.988.344	5.535.748.809
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	5.8	853.200.000	842.400.000
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2.595.044.635	4.666.011.390
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		264.743.709	27.337.419
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		108.745.735.244	117.949.960.857
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		101.732.815.152	109.829.453.465
221	1. Tài sản cố định hữu hình	5.9	101.628.161.159	109.684.229.470
222	- Nguyên giá		285.737.975.811	285.918.835.811
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(184.109.814.652)	(176.234.606.341)
227	2. Tài sản cố định vô hình	5.10	104.653.993	145.223.995
228	- Nguyên giá		393.120.000	393.120.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(288.466.007)	(247.896.005)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
231	- Nguyên giá		-	-
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.712.228.958	1.723.121.540
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.11	1.712.228.958	1.723.121.540
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		5.300.691.134	6.397.385.852
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	5.8	5.300.691.134	6.397.385.852
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		180.058.618.767	187.916.479.268

5-
CH
M T
HI

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		52.659.163.052	61.939.876.925
310	I. Nợ ngắn hạn		52.659.163.052	61.939.876.925
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	5.12	29.792.027.374	40.582.911.540
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	5.13	853.036.173	659.038.027
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.14	4.110.268.394	3.080.462.352
314	4. Phải trả người lao động	5.15	6.671.020.040	9.703.875.817
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	5.16	253.156.503	253.156.503
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	5.17	6.909.476.703	2.104.654.821
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.18	4.070.177.865	5.555.777.865
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		127.399.455.715	125.976.602.343
410	I. Vốn chủ sở hữu	5.19	127.399.455.715	125.976.602.343
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		90.000.000.000	90.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		90.000.000.000	90.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		27.526.602.343	25.479.212.463
419	4. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9.872.853.372	10.497.389.880
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	10.497.389.880
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		9.872.853.372	-
422	7. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
431	1. Nguồn kinh phí		-	-
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		180.058.618.767	187.916.479.268

28
ĐƯỢC
NHẬN
ĐÁNH
GIÁ
TP.

Người lập biểu

CAO THỊ MỸ HƯƠNG

Kế toán trưởng

DƯƠNG THỊ MỸ QUÝ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2016



Giám Đốc

PHẠM KHƯƠNG THẢO

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.1	150.969.854.718	149.049.263.300
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		150.969.854.718	149.049.263.300
11	4. Giá vốn hàng bán	6.2	102.948.345.451	106.457.016.922
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		48.021.509.267	42.592.246.378
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	6.3	564.698.699	1.004.528.466
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	6.4	21.791.366.913	23.272.512.412
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.5	14.479.243.855	13.340.272.876
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		12.315.597.198	6.983.989.556
31	11. Thu nhập khác	6.6	200.133.039	39.966.635
32	12. Chi phí khác	6.7	10.800.000	4.972.727
40	13. Lợi nhuận khác		189.333.039	34.993.908
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		12.504.930.237	7.018.983.464
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.14	2.632.076.865	1.482.867.157
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		9.872.853.372	5.536.116.307
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.8	872	496

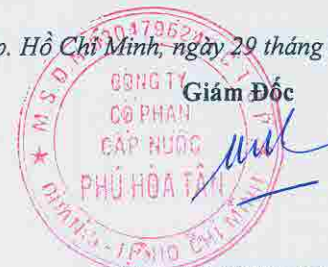
Người lập biểu

CAO THỊ MỸ HƯƠNG

Kế toán trưởng

DƯƠNG THỊ MỸ QUÝ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2016



Giám Đốc

PHẠM KHƯƠNG THẢO

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

DVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		12.504.930.237	7.018.983.464
	2. Điều chỉnh cho các khoản		7.385.022.376	6.080.862.234
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		8.215.778.313	7.016.635.656
03	- Các khoản dự phòng		-	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(830.755.937)	(935.773.422)
06	- Chi phí lãi vay		-	-
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		19.889.952.613	13.099.845.698
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		296.421.055	378.123.998
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		240.226.234	(887.890.834)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(13.749.461.787)	8.735.102.442
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.085.894.718	7.200.000
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.653.773.701)	(5.122.497.422)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	7.1	(3.635.600.000)	(2.675.221.310)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		2.473.659.132	13.534.662.572
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(108.247.418)	(11.050.043.974)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		347.050.000	6.170.545
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(5.056.998.866)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	29.942.608.573
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		483.705.937	929.602.877
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(4.334.490.347)	19.828.338.021
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.323.955.250)	(10.120.893.250)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.323.955.250)	(10.120.893.250)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(3.184.786.465)	23.242.107.343
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		40.684.206.200	7.830.961.432
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5.1	37.499.419.735	31.073.068.775

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

CAO THỊ MỸ HƯƠNG

DƯƠNG THỊ MỸ QUÝ



PHẠM KHƯƠNG THẢO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân (sau đây gọi tắt là “Công ty”).

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần.

Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân (tên giao dịch là: PHU HOA TAN WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: PHUWACO JSC) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 6653/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ cung cấp nước sạch.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước trong nhà (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Cung ứng kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng – sản xuất (trên địa bàn được phân công theo Quyết định của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn);
- Tư vấn xây dựng công trình cấp nước - dân dụng – công nghiệp (trừ: khảo sát xây dựng);
- Xây dựng công trình cấp thoát nước;
- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước;
- Lập dự án. Thẩm tra thiết kế. Thiết kế xây dựng công trình cấp thoát nước. Giám sát xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thiết kế công trình cấp nước theo tuyến;
- Tái lập mặt đường đối với công trình chuyên ngành cấp nước. Tái lập mặt đường, vỉa hè;
- Mua bán nước tinh khiết. Mua bán vật tư, máy móc ngành nước;
- Sản xuất nước tinh khiết;
- Xử lý nền móng công trình;
- Duy tu sửa chữa công trình giao thông (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

1.5 Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty có 238 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 235 nhân viên).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Báo cáo này được lập cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chúng tôi, Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại công ty bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Bảo hiểm nhân thọ

Chi phí mua bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên phát sinh một lần có giá trị lớn phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 6 tháng.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Loại tài sản cố định	Số năm khấu hao ước tính
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05-20
+ Máy móc và thiết bị	03-12
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-10
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-10

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính từ 03 đến 08 năm.

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.10 Nguyên tắc ghi nhận chi phí tiền lương

Quỹ lương được ghi nhận Căn cứ vào Nghị quyết số 0293/QĐ-PHT-HĐQT ngày 31/05/2016 về quỹ tiền lương kế hoạch năm 2016 của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân.

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

03/
C
ÁCH
M T
HI
5-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

12
37
M
VÀ
N
H

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

4.15 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản giảm giá hàng bán.

4.16 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, Giá thành của công trình đã hoàn thành, bàn giao theo điều kiện hợp đồng, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

4.17 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm chi phí lãi vay.

4.18 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

4.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

- Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

- Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4.20 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4.21 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.



5. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Mã số	Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
5.1.1	Tiền mặt	7.285.630	21.504.308
5.1.2	Tiền gửi ngân hàng	27.492.134.105	12.421.354.372
5.1.3	Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	28.241.347.520
Tổng cộng		37.499.419.735	40.684.206.200

5.1.2 Tiền gửi ngân hàng

Chi tiết số dư ngân hàng gồm :

STT	Ngân hàng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	Ngân hàng TM CP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh quận 5	10.497.311.496	9.252.664.268
2	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	16.244.829.048	2.778.662.784
3	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	218.407.707	158.105.977
4	Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Bắc Sài Gòn	531.585.854	231.921.343
Tổng cộng		27.492.134.105	12.421.354.372

5.1.3 Các khoản tương đương tiền

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Chợ Lớn.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>Ngắn hạn</i>				
Tiền gửi có kỳ hạn	12.311.899.047	12.311.899.047	7.254.900.181	7.254.900.181
Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
Cộng	12.311.899.047	12.311.899.047	7.254.900.181	7.254.900.181

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	4.657.085	4.657.085
- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	4.657.085	4.657.085
Phải thu khách hàng khác	2.835.048.786	1.410.468.988
- Công ty TNHH Xây dựng Văn Phôn	371.045.000	371.045.000
- Công nợ tiền nước	2.464.003.786	1.039.423.988
Cộng	2.839.705.871	1.415.126.073

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	1.052.149.323	1.052.149.323
- Công ty CP Cơ khí Công trình Cấp nước	1.052.149.323	1.052.149.323
Trả trước cho người bán khác	6.457.183.702	6.144.930.952
- Công ty TNHH Hải Hoàng Dương	2.465.882.019	2.465.882.019
- Công ty TNHH Đan Vĩ	2.548.762.393	2.548.762.393
- Công ty TNHH XD TM Du lịch Hồng Đăng	928.949.040	928.949.040
- Các đối tượng khác	513.590.250	201.337.500
Cộng	7.509.333.025	7.197.080.275

5.5 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	1.513.529.378	1.513.529.378
- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	1.454.503.083	1.454.503.083
- Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp nước	59.026.295	59.026.295
Phải thu tổ chức và các cá nhân khác	159.408.089	359.073.290
- Tạm ứng nhân viên	27.375.833	8.375.833
- Dự thu lãi TGNH có kỳ hạn	-	42.120.201
- Các đối tượng khác	132.032.256	308.577.256
Cộng	1.672.937.467	1.872.602.668

5.6 Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

Là khoản dự phòng công nợ tiền nước không thu hồi được

Chi tiết	Cuối kỳ	Đầu năm
- Dự phòng cho khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	2.778.906	2.778.906
- Dự phòng cho khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	40.999.743	40.999.743
- Dự phòng cho khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 2 năm đến dưới 3 năm	9.949.076	9.949.076
- Dự phòng cho khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 3 năm trở lên	204.402.294	204.402.294
Cộng	258.130.019	258.130.019

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này			Kỳ trước		
	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(258.130.019)	-	(258.130.019)	(234.412.118)	-	(234.412.118)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-	-	-	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	(258.130.019)	-	(258.130.019)	(234.412.118)	-	(234.412.118)

5.7 Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
5.7.1 Nguyên liệu, vật liệu	5.493.237.379	-	5.725.006.416	-
5.7.2 Công cụ, dụng cụ	3.530.960	-	3.530.960	-
5.7.3 Chi phí SXKD dở dang	375.778.447	-	384.235.644	-
5.7.4 Thành phẩm	-	-	-	-
5.7.5 Hàng hóa	152.161.208	-	152.161.208	-
Cộng	6.024.707.994	-	6.264.934.228	-

5.7.1 Nguyên liệu, vật liệu

Là vật tư ngành nước dùng để thi công, lắp đặt, thay thế đồng hồ nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.8 Chi phí trả trước**5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

Là chi phí bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên chưa phân bổ hết. Tình hình tăng giảm trong năm chi tiết như sau :

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu kỳ	842.400.000	846.000.000
Tăng trong kỳ	853.200.000	838.800.000
Phân bổ trong kỳ	(842.400.000)	(846.000.000)
Số dư kỳ	853.200.000	838.800.000

5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định còn phân bổ.

Tình hình tăng giảm chi phí trả trước dài hạn

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	6.397.385.852	-
Tăng trong năm	-	-
Phân bổ trong năm	(1.096.694.718)	-
Số dư cuối kỳ	5.300.691.134	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.9 Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình như sau:

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	12.905.456.746	2.822.732.317	264.838.755.625	5.351.891.123	285.918.835.811
2. Tăng trong kỳ	-	119.140.000	-	-	119.140.000
- Tăng do mua mới	-	119.140.000	-	-	119.140.000
- Tăng từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-	300.000.000	-	300.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	300.000.000	-	300.000.000
4. Số dư cuối kỳ	12.905.456.746	2.941.872.317	264.538.755.625	5.351.891.123	285.737.975.811
Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	658.600.644	127.720.342.410	1.067.394.483	129.446.337.537
II. Giá trị hao mòn					
1. Số dư đầu năm	5.847.533.028	1.618.241.363	165.820.788.305	2.948.043.645	176.234.606.341
2. Tăng trong kỳ	590.820.186	230.244.234	6.900.117.924	454.025.967	8.175.208.311
- Khấu hao trong kỳ	590.820.186	230.244.234	6.900.117.924	454.025.967	8.175.208.311
3. Giảm trong kỳ	-	-	300.000.000	-	300.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	300.000.000	-	300.000.000
4. Số dư cuối kỳ	6.438.353.214	1.848.485.597	172.420.906.229	3.402.069.612	184.109.814.652
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	7.057.923.718	1.204.490.954	99.017.967.320	2.403.847.478	109.684.229.470
2. Tại ngày cuối kỳ	6.467.103.532	1.093.386.720	92.117.849.396	1.949.821.511	101.628.161.159

12
ÔN
NHI
OÀI
JÃ
TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.10 Tài sản cố định vô hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình:

Chỉ tiêu	Phần mềm quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
1. Số đầu năm	393.120.000	393.120.000
2. Tăng trong kỳ	-	-
<i>Tăng do mua mới</i>	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Số cuối kỳ	393.120.000	393.120.000
<i>Trong đó:</i>		
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	<i>149.700.000</i>	<i>149.700.000</i>
II. Giá trị hao mòn		
1. Số đầu năm	247.896.005	247.896.005
2. Tăng trong kỳ	40.570.002	40.570.002
<i>- Khấu hao trong năm</i>	<i>40.570.002</i>	<i>40.570.002</i>
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Số cuối năm	288.466.007	288.466.007
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	145.223.995	145.223.995
2. Tại ngày cuối kỳ	104.653.993	104.653.993

817
GT
MH
VÀ
NV
HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ, chi phí phân bổ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	-	-	-	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	1.723.121.540	236.673.163	(201.218.618)	(46.347.127)	1.712.228.958
- Công trình P40/05-PTML theo kiến nghị cử tri khu vực Q11, BSKH năm 2005	464.653.079	-	-	-	464.653.079
- Công trình P07/14-Đầu tư thay mới tuyến ống cấp nước khu vực Phường 1,2,3,4,5,6,7,8,9 Quận 10 - Năm 2014	305.832.097	-	-	-	305.832.097
- Công trình P08/14-Đầu tư thay mới tuyến ống cấp nước khu vực Phường 10, 11, 12, 13, 14, 15 Quận 10 - Năm 2014	307.872.228	-	-	-	307.872.228
- Các công trình khác	644.764.136	236.673.163	(201.218.618)	(46.347.127)	633.871.554
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	95.357.115	(95.357.115)	-	-
Cộng	1.723.121.540	332.030.278	(296.575.733)	(46.347.127)	1.712.228.958

5.12 Phải trả cho người bán ngắn hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	17.104.145.345	18.807.614.242
- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	17.104.145.345	18.807.614.242
Phải trả các nhà cung cấp khác	12.687.882.029	21.775.297.298
- Công ty TNHH Hải Hoàng Dương	9.401.120.780	10.046.806.062
- Các đối tượng khác	3.286.761.249	11.728.491.236
Cộng	29.792.027.374	40.582.911.540

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	126.496.377	126.496.377
- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	126.496.377	126.496.377
Trả trước của các khách hàng khác	726.539.796	532.541.650
- Công nợ tiền nước	631.288.348	433.135.812
- Các đối tượng khác	95.251.448	99.405.838
Cộng	853.036.173	659.038.027

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

S-C
Y
JUH
TU
IE
C

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế Giá trị gia tăng phải nộp	-	-	7.688.224.625	(7.688.224.625)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp ^(*)	791.950.137	-	2.632.076.865	(1.653.773.701)	1.770.253.301	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	27.337.419	520.978.303	(758.384.593)	-	264.743.709
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.288.512.215	-	14.723.895.353	(14.672.392.475)	2.340.015.093	-
Cộng	3.080.462.352	27.337.419	25.568.175.146	(24.769.775.394)	4.110.268.394	264.743.709

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thuế suất thuế GTGT tiêu thụ nước sạch	5%
- Thuế suất thuế GTGT xây dựng, lắp đặt đồng hồ, bán đồng hồ, thanh lý tài sản cố định và các mặt hàng khác không phải là nước sạch	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập với mức thuế suất theo văn bản hướng dẫn của Cục thuế Tp. Hồ Chí Minh số 3863/TC-THKT ngày 11 tháng 04 năm 2008, cụ thể:

- + Đối với khoản thu nhập thuộc lĩnh vực hoạt động khai thác trên hệ thống tuyến ống cấp 3 được xác định mức thuế suất ưu đãi đầu tư 20% trong vòng 10 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động (từ ngày 01 tháng 02 năm 2007 đến hết năm 2016).
- + Đối với khoản thu nhập thuộc lĩnh vực hoạt động tài chính, thu nhập khác, mua bán vật tư được xác định mức thuế suất phổ thông 20%.

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp nhà nước bao gồm:

+ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp	2.632.076.865
Cộng	2.632.076.865

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

		Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1)	12.504.930.237	7.018.983.464
(1) = (2) + (3)			
<i>Trong đó:</i>			
+ Lợi nhuận theo thuế suất ưu đãi	(2)	12.504.930.237	3.065.460.283
+ Lợi nhuận theo thuế suất phổ thông	(3)	-	3.953.523.181
Các khoản điều chỉnh tăng:	(4)	-	-
+ Chi phí không được trừ		-	-
Các khoản điều chỉnh giảm:	(5)	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế (6) = (1) + (4) - (5)	(6)	12.504.930.237	7.018.983.464
<i>Trong đó:</i>			
+ Thu nhập chịu thuế theo thuế suất ưu đãi	(7)	12.504.930.237	3.065.460.283
+ Thu nhập chịu thuế theo thuế suất phổ thông	(8)	-	3.953.523.181
Thuế TNDN theo thuế suất ưu đãi (20%)	(9)=(7)*20%	2.632.076.865	613.092.056
Thuế TNDN theo thuế suất phổ thông	(10)=(8)*22%	-	869.775.101
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp	(11) = (9) + (10)	2.632.076.865	1.482.867.157

5.15 Phải trả người lao động

Là quỹ lương còn phải trả cho người lao động.

5.16 Chi phí phải trả

Là chi phí trích trước công trình.

5.17 Phải trả ngắn hạn khác

Chi tiết gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	1.286.806.897	1.286.806.897
- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	1.286.806.897	1.286.806.897
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	5.622.669.806	817.847.924
- Cổ tức phải trả	5.492.353.900	532.768.900
- Các đối tượng khác	130.315.906	285.079.024
Cộng	6.909.476.703	2.104.654.821

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016



5.18 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Giảm khác	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	3.897.683.142	1.900.000.000	(3.324.000.000)		- 2.473.683.142
Quỹ phúc lợi	1.658.094.723	-	(61.600.000)		- 1.596.494.723
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	250.000.000	(250.000.000)		-
Cộng	5.555.777.865	2.150.000.000	(3.635.600.000)		- 4.070.177.865

5.19 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

5.19a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
A	1	2	3	4
Số dư đầu năm trước	90.000.000.000	21.236.985.633	19.508.199.912	130.745.185.545
- Tăng trong năm trước	-	4.242.226.830	10.497.389.880	14.739.616.710
- Giảm trong năm trước	-	-	(19.508.199.912)	(19.508.199.912)
Số dư cuối năm trước, số dư đầu năm nay	90.000.000.000	25.479.212.463	10.497.389.880	125.976.602.343
- Tăng trong năm	-	2.047.389.880	9.872.853.372	11.920.243.252
+ Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh năm nay	-	-	9.872.853.372	9.872.853.372
+ Tăng từ lãi trong năm trước		2.047.389.880	-	2.047.389.880
- Giảm trong năm nay	-	-	(10.497.389.880)	(10.497.389.880)
Số dư cuối năm nay	90.000.000.000	27.526.602.343	9.872.853.372	127.399.455.715

5.19b Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ	Đầu năm
- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	70,39	63.352.000.000	63.352.000.000
- Ngân hàng TMCP Đông Á	10,00	9.000.000.000	9.000.000.000
- Các Cổ đông khác	19,61	17.648.000.000	17.648.000.000
Cộng	100,00	90.000.000.000	90.000.000.000

5.19c Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	90.000.000.000	90.000.000.000

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	90.000.000.000	90.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(6.300.000.000)	(10.350.000.000)
5.19d Cổ phiếu	Cuối kỳ	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.000.000	9.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	9.000.000	9.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.000.000	9.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	9.000.000	9.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/1 cổ phiếu)	10.000	10.000

5.19e Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trích lập các quỹ và quỹ thưởng Ban điều hành. Chi tiết gồm:

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Năm trước
Số dư đầu kỳ	10.497.389.880	19.508.199.912
Tăng trong kỳ trước	9.872.853.372	10.497.389.880
Giảm trong kỳ	(10.497.389.880)	(19.508.199.912)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	(2.047.389.880)	(4.242.226.830)
- Trích quỹ khen thưởng	(1.900.000.000)	(4.000.000.000)
- Quỹ thưởng ban điều hành	(250.000.000)	(600.000.000)
- Chia cổ tức	(6.300.000.000)	(10.350.000.000)
- Giảm khác(*)	-	(315.973.082)
Số cuối kỳ	9.872.853.372	10.497.380.880

(*) Khoản truy thu tiền thuế Thu nhập doanh nghiệp 2008,2009 và tiền phạt chậm nộp thuế 2013 đã được thông qua tại Nghị quyết đại hội cổ đông.

5.19f Các quỹ của doanh nghiệp

	Phân phối từ lợi nhuận năm 2014	Phân phối từ lợi nhuận năm 2015	Tổng cộng
▪ Quỹ đầu tư phát triển	4.242.226.830	2.047.389.880	6.289.616.710
▪ Quỹ khen thưởng phúc lợi	4.600.000.000	2.150.000.000	6.750.000.000
Cộng	8.842.226.830	4.197.389.880	13.039.616.710

5.20 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

5.20a Tài sản thuê ngoài

Trong giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016, đơn vị có thuê ngoài một số tài sản của Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn trị giá: 2.383.742.196 đồng để sử dụng vào mục đích cung cấp nước sạch trên địa bàn của Công ty Cấp nước Phú Hòa Tân theo hợp đồng số 973/HĐ-TCT-KTTC ngày 03/03/2016.

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VND)

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1a Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Doanh thu nước	148.564.043.620	143.766.864.310
- Doanh thu lắp đặt, nâng dời ĐHN	2.254.715.514	3.041.419.996
- Doanh thu xây lắp	107.403.622	2.238.136.083
- Doanh thu vật tư	43.691.962	2.842.911
Cộng	150.969.854.718	149.049.263.300

6.1b Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Doanh thu dịch vụ cung cấp cho Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn	107.403.622	1.970.636.992

6.2 Giá vốn hàng bán

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Giá vốn nước	101.149.726.323	102.656.530.224
- Giá vốn lắp đặt, nâng dời ĐHN	1.692.876.788	1.984.399.460
- Giá vốn xây lắp	65.537.932	1.813.933.862
- Giá vốn vật tư	40.204.408	2.153.376
Cộng	102.948.345.451	106.457.016.922

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	483.705.937	929.602.877
- Lãi tiền gửi không kỳ hạn	80.992.762	74.925.589
Cộng	564.698.699	1.004.528.466

33
 RÁI
 ẾM
 CI
 6

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

6.4 Chi phí bán hàng

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nhân viên	8.431.150.883	8.169.678.358
- Chi phí vật liệu bao bì	3.392.395.994	4.539.346.991
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	62.691.110	56.635.000
- Chi phí khấu hao TSCĐ	7.097.232.300	6.443.371.874
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.599.980.638	2.960.586.243
- Chi phí bằng tiền khác	1.207.915.988	1.102.893.946
Cộng	21.791.366.913	23.272.512.412

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nhân viên	10.323.426.813	10.140.329.826
- Chi phí vật liệu quản lý	121.775.107	183.832.582
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	56.918.455	25.781.364
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.118.546.013	573.263.782
- Thuế, phí và lệ phí	3.720.000	10.556.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	503.723.815	510.693.737
- Chi phí bằng tiền khác	2.351.133.652	1.895.815.585
Cộng	14.479.243.855	13.340.272.876

6.6 Thu nhập khác

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Thu thanh lý tài sản cố định	155.000.000	1.818.182
- Thu nhập khác	45.133.039	38.148.453
Cộng	200.133.039	39.966.635

31
CỔ
HÀ
TỔ
HỮU

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Kỳ này	Kỳ trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.872.853.372	5.536.116.307
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm(*)	(2.021.960.371)	(1.075.000.000)
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.850.893.001	4.461.116.307
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cp)	9.000.000	9.000.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	872	496

(*) Số quỹ khen thưởng, phúc lợi năm là số tạm tính, tương ứng với tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016 là 20,48% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp. Số này có thể sẽ thay đổi và điều chỉnh khi có quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông Công ty.

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.441.625.896	6.944.204.019
- Chi phí nhân công	19.454.013.450	19.183.225.715
- Chi phí công cụ, dụng cụ	119.609.565	82.416.364
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.215.778.313	7.016.635.656
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.164.978.628	4.113.753.278
- Các chi phí bằng tiền khác	3.632.969.640	3.070.865.531
Cộng	38.028.975.492	40.411.100.563

7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VND)**7.1 Tiền chi khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh**

	Kỳ này	Kỳ trước
Tiền chi từ quỹ khen thưởng, phúc lợi	(3.635.600.000)	(2.675.221.310)

8 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

8.1.1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

<i>Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt</i>	Kỳ này	Kỳ trước
- Tiền lương Ban Điều hành	537.808.821	417.828.899
- Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	186.000.000	222.000.000
Cộng	723.808.821	639.828.899

8.1.2 Mối quan hệ và giao dịch với các bên liên quan khác

8.2.2a Mối quan hệ với các bên liên quan

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ	Tỷ lệ góp vốn
1.	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	Công ty mẹ	70,39%
2.	Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp nước	Là Bên liên quan của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	-

8.2.2b Các giao dịch thực hiện trong năm với các bên liên quan

Các giao dịch thực hiện trong năm với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Mua hàng (Tổng giá trị) (*)	108.337.276.959	106.178.032.794
- Đã trả tiền mua hàng	110.040.767.856	98.928.480.455
- Chi trả cổ tức	-	7.285.480.000

(*) Giá mua đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Các giao dịch thực hiện trong năm với Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp nước

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Mua hàng (Tổng giá trị) (*)	80.256.000	63.991.400
- Đã trả tiền mua hàng	80.256.000	63.991.400

(*) Giá mua đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

8.1.3 Số dư với các bên liên quan

8.2.3a Số dư cuối năm với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn

Chi tiết gồm:	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu khách hàng	5.3	4.657.085	4.657.085
- Phải thu ngắn hạn khác	5.5	1.454.503.083	1.454.503.083
- Phải trả cho người bán ngắn hạn	5.12	17.104.145.345	18.807.614.242
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	5.13	126.496.377	126.496.377
- Phải trả ngắn hạn khác	5.17	1.286.806.897	1.286.806.897

8.2.3b Số dư cuối năm với Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp nước

Xem thuyết minh tại mục 5.4 – *Trả trước cho người bán.*

Xem thuyết minh tại mục 5.5 – *Các khoản phải thu ngắn hạn khác.*

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

8.2 Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chủ yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Kinh doanh nước sạch.
- Kinh doanh lắp đặt, nâng dờn đồng hồ nước.
- Kinh doanh xây lắp.
- Kinh doanh vật tư.

	Kinh doanh Nước sạch	Kinh doanh lắp đặt, nâng dờn Đồng hồ nước	Kinh doanh xây lắp	Kinh doanh vật tư	Cộng
Kỳ này					
Doanh thu thuần về bán hàng	148.564.043.620	2.254.715.514	107.403.622	43.691.962	150.969.854.718
Giá vốn hàng bán	101.149.726.323	1.692.876.788	65.537.932	40.204.408	102.948.345.451
Lãi gộp	47.414.317.297	561.838.726	41.865.690	3.487.554	48.021.509.267
- Kết quả kinh doanh không theo bộ phận					12.504.930.237
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					2.632.076.865
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					9.872.853.372
Kỳ trước					
Doanh thu thuần về bán hàng	143.766.864.310	3.041.419.996	2.238.136.083	2.842.911	149.049.263.300
Giá vốn hàng bán	102.656.530.224	1.984.399.460	1.813.933.862	2.153.376	106.457.016.922
Lãi gộp	41.110.334.086	1.057.020.536	424.202.221	689.535	42.592.246.378
- Kết quả kinh doanh không theo bộ phận					7.018.983.464
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					1.482.867.157
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					5.536.116.307

Khu vực địa lý

Các sản phẩm của Công ty được tiêu thụ tại Việt Nam.

8.3 Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

8.4 Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

8.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2016.

Người lập biểu



CAO THỊ MỸ HƯƠNG

Kế toán trưởng



DƯƠNG THỊ MỸ QUÝ

Giám đốc



PHẠM KHƯƠNG THẢO